BỘ NỘI VỤ
**TRUNG TÂM LAO ĐỘNG NGOÀI NƯỚC**

Số: 513/TTLĐNN–TCLĐ
V/v thông báo kế hoạch đào tạo giáo dục định hướng Chương trình EPS Khóa K17-VX03/2026

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*Hà Nội, ngày 02 tháng 6 năm 2026*

Kính gửi: Sở Nội vụ .....

Triển khai kế hoạch phái cử người lao động sang Hàn Quốc làm việc theo Chương trình EPS, căn cứ kế hoạch tiếp nhận của HRD Hàn Quốc, Trung tâm Lao động ngoài nước trân trọng thông báo đến quý Sở kế hoạch tổ chức, danh sách người lao động tham gia giáo dục định hướng khóa K17-VX03/2026 *(danh sách kèm theo)* và đề nghị quý Sở phối hợp thực hiện những nội dung sau:

**1. Thông báo người lao động thực hiện nghĩa vụ tài chính:**

- Đề nghị quý Sở thông báo tới người lao động nộp chi phí phái cử bằng khoản tiền Việt Nam tương đương với 630 USD và chi phí hành chính xin cấp visa 390.000 đồng để xác nhận nguyện vọng thực hiện hợp đồng lao động đã ký với doanh nghiệp Hàn Quốc.
- Chuẩn bị khoản tiền 100 triệu đồng để ký quỹ sau khi kết thúc khóa giáo dục định hướng.
- Các khoản tiền sau đây để nộp **khi đến tập trung** tham dự khóa giáo dục định hướng:
- Học phí bổ túc tiếng Hàn đối với lao động mới: 920.000 đồng.

Người lao động thuộc dự án Công nghiệp gốc không đào tạo bổ túc tiếng Hàn vì vậy không cần chuẩn bị khoản tiền này.

- Chi phí tiền ký túc xá, tiền ăn nộp trực tiếp cho đơn vị cung cấp dịch vụ.
- Phương án và chi phí khám sức khỏe: Trung tâm Lao động ngoài nước sẽ thông báo đến người lao động trước khi tham gia đào tạo định hướng.

**2. Thông báo kế hoạch giáo dục định hướng**

Đề nghị quý Sở thông báo tới người lao động đã hoàn thành nghĩa vụ tài chính về kế hoạch giáo dục định hướng như sau:

**2.1. Địa điểm, thời gian tập trung và tổ chức đào tạo**

- Thời gian làm thủ tục nhập học: **14h00** Chủ Nhật ngày **14/06/2026**;
- Thời gian đào tạo: từ ngày **15/06** đến ngày **29/06/2026**;
- Địa điểm đào tạo: Công ty cổ phần xây dựng VXT, Km8+500 Đại lộ Thăng Long, thôn An Thọ, xã Sơn Đồng, Tp Hà Nội.

**2.2. Người lao động cần chuẩn bị:**

***- Hồ sơ xin cấp visa***

+ In, điền đầy đủ thông tin và mang theo các giấy tờ xin visa (theo mẫu tại website colab.moha.gov.vn mục tải biểu mẫu), **Phiếu lý lịch tư pháp số 2** (01 bản gốc có chữ ký của cán bộ Tư pháp, không sử dụng bản có chữ ký điện tử) và hộ chiếu còn hiệu lực trên 1 năm để nộp cho Trung tâm Lao động ngoài nước làm thủ tục xin cấp visa. Trường hợp phiếu lý lịch tư pháp được cấp sau ngày tập trung, người lao động vẫn đến tập trung theo kế hoạch và chuyển phát phiếu lý lịch tư pháp đến địa điểm nơi người lao động tham dự khóa đào tạo, **muộn nhất vào ngày kết thúc khóa học, người lao động phải nộp Phiếu lý lịch tư pháp cho Trung tâm lao động ngoài nước.**

*Lưu ý: Bộ hồ sơ xin cấp visa bao gồm (1) Tờ khai xin cấp visa, (2) Giấy xác nhận tình trạng sức khỏe, (3) 01 bản phô tô 2 mặt của CMND/CCCD (4) bản phô tô trang 2,3 của hộ chiếu, (5) Phiếu lý lịch tư pháp, (6) Hộ chiếu. Người lao động phải đọc kỹ hướng dẫn, điền đầy đủ, chính xác thông tin và sắp xếp hồ sơ theo thứ tự nêu trên. Việc nộp thiếu giấy tờ, kê khai thông tin không chính xác sẽ dẫn đến tiến độ xuất cảnh của người lao động bị chậm hoặc không thể xuất cảnh sang Hàn Quốc làm việc.*

***- Để ký Hợp đồng đưa người lao động đi làm việc tại Hàn Quốc theo Chương trình EPS:***

+ Người lao động mang theo điện thoại thông minh có thể kết nối internet và sử dụng số điện thoại đã được định danh (đăng ký sim chính chủ) khi tham dự khóa đào tạo.

+ Người lao động cần kiểm tra chính xác thông tin địa chỉ cư trú theo đơn vị hành chính mới trên ứng dụng VneID.

+ Trung tâm Lao động ngoài nước sẽ hướng dẫn thủ tục ký số đối với Hợp đồng đưa người lao động đi làm việc ở Hàn Quốc theo Chương trình EPS và Hợp đồng ký quỹ trong thời gian người lao động tham gia đào tạo.

***- Những nội dung khác:***

+ Chuẩn bị **04 ảnh chân dung** có quy cách như sau: phông màu trắng, mặc **áo khác màu với màu phông, không qua chỉnh sửa,** kích thước 3.5cm x 4.5cm;

+ Chuẩn bị 01 bản phô tô 02 mặt của CMND/CCCD;

+ Chuẩn bị trang phục để lên lớp hàng ngày: quần âu, áo sơ mi trắng, giầy hoặc dép quai hậu.

**3.Một số công việc khác**

Đối với những lao động thuộc danh sách này đã hoàn thành nghĩa vụ tài chính, đề nghị quý Sở giữ lại số tiền Việt Nam đồng tương đương với 30USD để trang trải các chi phí hành chính; chuyển số tiền còn lại tương đương 600USD (theo tỷ giá bán ra của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam tại thời điểm chuyển tiền) và khoản chi phí hành chính xin cấp visa về Trung tâm Lao động ngoài nước chậm nhất ngày **14/06/2026** theo tài khoản sau:

+ Tên tài khoản: Trung tâm Lao động ngoài nước

+ Địa chỉ: Số 1 Trịnh Hoài Đức, phường Ô Chợ Dừa, Tp Hà Nội

+ Số tài khoản: 1440201030194

+ Tại: Chi nhánh Bắc Hà Nội-NH Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam *(Khi chuyển tiền, đề nghị quý Sở ghi rõ tên địa phương, số tiền và nội dung chuyển tiền).*

- Đề nghị quý Sở thông báo bằng văn bản cho Trung tâm lao động ngoài nước: danh sách người lao động hoàn thành nghĩa vụ tài chính và tham gia khóa học; danh sách những người lao động không đến làm thủ tục và không còn nguyện vọng đi làm việc tại Hàn Quốc; danh sách kèm theo Đơn của người lao động xin tiếp tục tham gia giáo dục định hướng (mẫu kèm theo); danh sách người lao động thuộc đối tượng vay vốn ký quỹ để Trung tâm tổng hợp, triển khai các thủ tục tiếp theo.

Lưu ý: Người lao động không tham gia giáo dục định hướng theo kế hoạch được thông báo hoặc nộp **Phiếu lý lịch tư pháp muộn** dẫn đến nộp hồ sơ xin cấp visa chậm có thể bị doanh nghiệp Hàn Quốc hủy hợp đồng lao động và bị dừng tham gia Chương trình EPS trong thời gian 01 năm.

Trung tâm Lao động ngoài nước trân trọng cảm ơn sự phối hợp của quý Sở./.

***Nơi nhận***:
- Như trên;
- Lãnh đạo TT;
- Văn phòng HRD;
- P.TCKT, P.ĐT (để t/h);
- P.QLHTLĐ (để nhắn tin) ;
- Lưu: VT, TCLĐ.

**GIÁM ĐỐC**

TRUNG TÂM LAO ĐỘNG NGOÀI NƯỚC

**Đặng Huy Hồng**

# DANH SÁCH ĐÀO TẠO ĐỊNH HƯỚNG KHÓA K17-VXT03/2026

*(Kèm theo Công văn số 513/TTLĐNN-TCLĐ ngày 02/06/2026 của Trung tâm Lao động ngoài nước)*

| Stt | Số báo danh | Họ và tên | Ngày sinh | Giới tính | Đơn vị nộp hồ sơ | Tỉnh/Tp | Mã số HV |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | 50505562 | Nguyễn Thị Huế | 02/07/1989 | Nữ | Bắc Giang | Bắc Ninh | K17VXT03-01 |
| 2 | 50506159 | Diệp Thị Liên | 08/02/1994 | Nữ | Bắc Giang | Bắc Ninh | K17VXT03-02 |
| 3 | 50506275 | Phạm Thị Kim Oanh | 14/11/2002 | Nữ | Bắc Giang | Bắc Ninh | K17VXT03-03 |
| 4 | 51032421 | Tăng Văn Thanh | 27/01/1995 | Nam | Bắc Giang | Bắc Ninh | K17VXT03-04 |
| 5 | 50306983 | Hoàng Kiều Trinh | 07/03/1996 | Nữ | Bắc Giang | Bắc Ninh | K17VXT03-05 |
| 6 | 50307159 | Bùi Xuân Quyền | 04/03/2002 | Nam | Bắc Giang | Bắc Ninh | K17VXT03-06 |
| 7 | 50307174 | Hoàng Văn Tuấn | 22/01/1997 | Nam | Bắc Giang | Bắc Ninh | K17VXT03-07 |
| 8 | 50307176 | Hoàng Thị Yến | 29/08/1999 | Nữ | Bắc Giang | Bắc Ninh | K17VXT03-08 |
| 9 | 50307214 | Đặng Văn Hùng | 18/06/1999 | Nam | Bắc Giang | Bắc Ninh | K17VXT03-09 |
| 10 | 50307240 | Vũ Văn Tiến | 20/09/1998 | Nam | Bắc Giang | Bắc Ninh | K17VXT03-10 |
| 11 | 50307432 | Nguyễn Đức Hậu | 30/07/2000 | Nam | Bắc Giang | Bắc Ninh | K17VXT03-11 |
| 12 | 50307836 | Nguyễn Thị Xuân | 29/09/2004 | Nữ | Bắc Giang | Bắc Ninh | K17VXT03-12 |
| 13 | 50308077 | Nguyễn Hà Thu | 05/01/2005 | Nữ | Bắc Giang | Bắc Ninh | K17VXT03-13 |
| 14 | 50807880 | Nguyễn Văn Dương | 22/09/2000 | Nam | Bắc Giang | Bắc Ninh | K17VXT03-14 |
| 15 | 50506952 | Cao Thị Thoan | 04/04/1995 | Nữ | Bắc Ninh | Bắc Ninh | K17VXT03-15 |
| 16 | 50308518 | Trần Đức Văn | 30/04/2001 | Nam | Bắc Ninh | Bắc Ninh | K17VXT03-16 |
| 17 | 50308520 | Trần Công Hiệp | 25/05/2002 | Nam | Bắc Ninh | Bắc Ninh | K17VXT03-17 |
| 18 | 50308638 | Nguyễn Văn Ngọc | 29/06/1996 | Nam | Bắc Ninh | Bắc Ninh | K17VXT03-18 |
| 19 | 50308702 | Phạm Đăng Huy | 01/12/1998 | Nam | Bắc Ninh | Bắc Ninh | K17VXT03-19 |
| 20 | 51030016 | Nguyễn Viết Phước | 15/01/1994 | Nam | Hà Nội | Hà Nội | K17VXT03-20 |
| 21 | 51030051 | Vũ Thành Vinh | 26/08/2005 | Nam | Hà Nội | Hà Nội | K17VXT03-21 |
| 22 | 51030095 | Hoàng Văn Phong | 28/12/1989 | Nam | Hà Nội | Hà Nội | K17VXT03-22 |
| 23 | 51030228 | Đỗ Văn Mười | 23/11/1988 | Nam | Hà Nội | Hà Nội | K17VXT03-23 |
| 24 | 50300017 | Hoàng Văn Huy | 02/10/2002 | Nam | Hà Nội | Hà Nội | K17VXT03-24 |
| 25 | 50300042 | Dương Đình Linh | 21/10/2004 | Nam | Hà Nội | Hà Nội | K17VXT03-25 |
| 26 | 50300149 | Hoàng Văn Hùng | 28/12/1998 | Nam | Hà Nội | Hà Nội | K17VXT03-26 |
| 27 | 50300243 | Lê Hoàng Long | 21/04/1998 | Nam | Hà Nội | Hà Nội | K17VXT03-27 |
| 28 | 50300943 | Nguyễn Minh Đức | 26/01/2005 | Nam | Hà Nội | Hà Nội | K17VXT03-28 |
| 29 | 50301237 | Lê Xuân Hoàn | 03/02/1996 | Nam | Hà Nội | Hà Nội | K17VXT03-29 |
| 30 | 50301305 | Nguyễn Đức Đoàn | 14/10/2005 | Nam | Hà Nội | Hà Nội | K17VXT03-30 |
| 31 | 50301306 | Nguyễn Minh Hiếu | 25/07/2002 | Nam | Hà Nội | Hà Nội | K17VXT03-31 |
| 32 | 50301316 | Nguyễn Quang Minh | 22/05/2004 | Nam | Hà Nội | Hà Nội | K17VXT03-32 |
| 33 | 50301319 | Phùng Quang Huy | 23/04/2000 | Nam | Hà Nội | Hà Nội | K17VXT03-33 |
| 34 | 50301320 | Vũ Việt Dũng | 30/12/2004 | Nam | Hà Nội | Hà Nội | K17VXT03-34 |
| 35 | 50340076 | Nguyễn Minh Hùng | 30/08/1994 | Nam | Hà Nội | Hà Nội | K17VXT03-35 |
| 36 | 50800078 | Trần Văn Dũng | 18/01/2002 | Nam | Hà Nội | Hà Nội | K17VXT03-36 |
| 37 | 50800232 | Tống Nguyên Hiếu | 03/04/2006 | Nam | Hà Nội | Hà Nội | K17VXT03-37 |
| 38 | 50800320 | Vương Sỹ Quân | 24/10/2004 | Nam | Hà Nội | Hà Nội | K17VXT03-38 |
| 39 | 50501827 | Lê Vi Chúc | 17/12/2003 | Nữ | Hải Dương | Hải Phòng | K17VXT03-39 |
| 40 | 50501845 | Dương Thị Quyên | 21/05/1996 | Nữ | Hải Dương | Hải Phòng | K17VXT03-40 |
| 41 | 50501939 | Nguyễn Thị Mỳ | 05/02/1989 | Nữ | Hải Dương | Hải Phòng | K17VXT03-41 |
| 42 | 50501945 | Tiêu Thị Hạnh | 04/02/1993 | Nữ | Hải Dương | Hải Phòng | K17VXT03-42 |

| Stt | Số báo danh | Họ và tên | Ngày sinh | Giới tính | Đơn vị nộp hồ sơ | Tỉnh/Tp | Mã số HV |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 43 | 50502196 | Nguyễn Thị Thu | 15/10/1989 | Nữ | Hải Dương | Hải Phòng | K17VXT03-43 |
| 44 | 50502233 | Mạc Thị Thanh Ly | 26/03/2001 | Nữ | Hải Dương | Hải Phòng | K17VXT03-44 |
| 45 | 50502241 | Nguyễn Thị Tuyết Nhung | 31/08/2003 | Nữ | Hải Dương | Hải Phòng | K17VXT03-45 |
| 46 | 51030695 | Đào Đình Hiển | 12/07/1993 | Nam | Hải Dương | Hải Phòng | K17VXT03-46 |
| 47 | 50302172 | Đoàn Thanh Trọng | 12/11/2002 | Nam | Hải Dương | Hải Phòng | K17VXT03-47 |
| 48 | 50302177 | Nguyễn Thị Như Quỳnh | 12/02/2002 | Nữ | Hải Dương | Hải Phòng | K17VXT03-48 |
| 49 | 50302182 | Bùi Thị Hiên | 16/03/2001 | Nữ | Hải Dương | Hải Phòng | K17VXT03-49 |
| 50 | 50302213 | Hoàng Trường Phước | 09/05/2002 | Nam | Hải Dương | Hải Phòng | K17VXT03-50 |
| 51 | 50302239 | Phạm Ngọc Kiên | 15/04/2005 | Nam | Hải Dương | Hải Phòng | K17VXT03-51 |
| 52 | 50302279 | Nguyễn Tiến Anh | 11/09/2005 | Nam | Hải Dương | Hải Phòng | K17VXT03-52 |
| 53 | 50302308 | Hoàng Ngọc An | 26/03/2005 | Nam | Hải Dương | Hải Phòng | K17VXT03-53 |
| 54 | 50302370 | Vũ Ngọc Mai | 05/08/2005 | Nữ | Hải Dương | Hải Phòng | K17VXT03-54 |
| 55 | 50302422 | Trần Thị Tố Uyên | 16/11/1992 | Nữ | Hải Dương | Hải Phòng | K17VXT03-55 |
| 56 | 50302460 | Trần Quang Chính | 22/09/2005 | Nam | Hải Dương | Hải Phòng | K17VXT03-56 |
| 57 | 50302486 | Nguyễn Thị Ngân | 19/09/1990 | Nữ | Hải Dương | Hải Phòng | K17VXT03-57 |
| 58 | 50302546 | Nguyễn Linh Hương | 16/12/2005 | Nữ | Hải Dương | Hải Phòng | K17VXT03-58 |
| 59 | 50302646 | Lê Thị Thu Uyên | 10/01/2001 | Nữ | Hải Dương | Hải Phòng | K17VXT03-59 |
| 60 | 50302682 | Nguyễn Thị Giang | 21/03/1998 | Nữ | Hải Dương | Hải Phòng | K17VXT03-60 |
| 61 | 50302939 | Nguyễn Thị Quỳnh | 26/10/1991 | Nữ | Hải Dương | Hải Phòng | K17VXT03-61 |
| 62 | 50303022 | Đồng Thị Duân | 13/05/1996 | Nữ | Hải Dương | Hải Phòng | K17VXT03-62 |
| 63 | 50802464 | Nguyễn Văn Biển | 16/12/1992 | Nam | Hải Dương | Hải Phòng | K17VXT03-63 |
| 64 | 50802859 | Vũ Đình Hậu | 01/04/2003 | Nam | Hải Dương | Hải Phòng | K17VXT03-64 |
| 65 | 50802933 | Phạm Thị Nhung | 26/02/1999 | Nữ | Hải Dương | Hải Phòng | K17VXT03-65 |
| 66 | 50501268 | PhạM Văn Giang | 07/06/1987 | Nam | Hải Phòng | Hải Phòng | K17VXT03-66 |
| 67 | 51030521 | Đỗ Mạnh Trung | 25/07/1999 | Nam | Hải Phòng | Hải Phòng | K17VXT03-67 |
| 68 | 51030548 | Vũ Văn Thắng | 15/07/1993 | Nam | Hải Phòng | Hải Phòng | K17VXT03-68 |
| 69 | 50301534 | Nguyễn Thị Hoài Ngọc | 13/10/2003 | Nữ | Hải Phòng | Hải Phòng | K17VXT03-69 |
| 70 | 50301576 | Vũ Thị Thanh Xuân | 05/03/2003 | Nữ | Hải Phòng | Hải Phòng | K17VXT03-70 |
| 71 | 50301602 | Trần Thị Thuý Lan | 09/12/2005 | Nữ | Hải Phòng | Hải Phòng | K17VXT03-71 |
| 72 | 50802088 | Nguyễn Thị Khánh Linh | 06/10/2006 | Nữ | Hải Phòng | Hải Phòng | K17VXT03-72 |
| 73 | 50502503 | Lều Thị Thoan | 09/01/1991 | Nữ | Hưng Yên | Hưng Yên | K17VXT03-73 |
| 74 | 50502668 | Đỗ Thị Liên | 05/02/1992 | Nữ | Hưng Yên | Hưng Yên | K17VXT03-74 |
| 75 | 50303241 | Vũ Thị Yến Vi | 22/08/2005 | Nữ | Hưng Yên | Hưng Yên | K17VXT03-75 |
| 76 | 50303306 | Nguyễn Thị Huế | 06/06/1998 | Nữ | Hưng Yên | Hưng Yên | K17VXT03-76 |
| 77 | 50303455 | Tạ Thị Tuyết Mai | 04/07/2005 | Nữ | Hưng Yên | Hưng Yên | K17VXT03-77 |
| 78 | 50303462 | Nguyễn Thị Hải Hậu | 28/10/2005 | Nữ | Hưng Yên | Hưng Yên | K17VXT03-78 |
| 79 | 50803611 | Nguyễn Mạnh Cường | 17/07/2000 | Nam | Hưng Yên | Hưng Yên | K17VXT03-79 |
| 80 | 50508756 | Đỗ Như Quỳnh | 26/12/2004 | Nữ | Thái Bình | Hưng Yên | K17VXT03-80 |
| 81 | 50508782 | Dương Thị Huê | 11/02/1990 | Nữ | Thái Bình | Hưng Yên | K17VXT03-81 |
| 82 | 50509098 | Trịnh Thị Thu Trang | 13/12/2001 | Nữ | Thái Bình | Hưng Yên | K17VXT03-82 |
| 83 | 51033309 | Phạm Đông Đô | 13/09/2002 | Nam | Thái Bình | Hưng Yên | K17VXT03-83 |
| 84 | 51033350 | Trần Đức Mạnh | 27/12/2002 | Nam | Thái Bình | Hưng Yên | K17VXT03-84 |
| 85 | 50311001 | Phạm Thị Hồng | 08/04/1992 | Nữ | Thái Bình | Hưng Yên | K17VXT03-85 |
| 86 | 50311035 | Nhâm Thị Trang | 13/09/2004 | Nữ | Thái Bình | Hưng Yên | K17VXT03-86 |

| Stt | Số báo danh | Họ và tên | Ngày sinh | Giới tính | Đơn vị nộp hồ sơ | Tỉnh/Tp | Mã số HV |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 87 | 50311042 | Nguyễn Thị Nhung | 20/08/1995 | Nữ | Thái Bình | Hưng Yên | K17VXT03-87 |
| 88 | 50311111 | Nguyễn Thị Thanh Huyền | 05/01/1994 | Nữ | Thái Bình | Hưng Yên | K17VXT03-88 |
| 89 | 50311114 | Vũ Thị Ngọc Ánh | 16/03/2000 | Nữ | Thái Bình | Hưng Yên | K17VXT03-89 |
| 90 | 50311173 | Phạm Thị Hằng | 14/10/2005 | Nữ | Thái Bình | Hưng Yên | K17VXT03-90 |
| 91 | 50311204 | Trần Thanh Thảo | 07/09/2004 | Nữ | Thái Bình | Hưng Yên | K17VXT03-91 |
| 92 | 50311246 | Đỗ Thị Trà | 10/07/2005 | Nữ | Thái Bình | Hưng Yên | K17VXT03-92 |
| 93 | 50311667 | Nguyễn Thị Hạnh | 21/05/2003 | Nữ | Thái Bình | Hưng Yên | K17VXT03-93 |
| 94 | 50311678 | Vũ Thị Như Quỳnh | 28/07/2000 | Nữ | Thái Bình | Hưng Yên | K17VXT03-94 |
| 95 | 50311767 | Nguyễn Hồng Nhung | 24/08/1995 | Nữ | Thái Bình | Hưng Yên | K17VXT03-95 |
| 96 | 50200484 | Phùng Văn Kiểm | 13/05/2001 | Nam | Lạng Sơn | Lạng Sơn | K17VXT03-96 |
| 97 | 50804965 | Nguyễn Tuấn Hoàng | 09/03/1994 | Nam | Lạng Sơn | Lạng Sơn | K17VXT03-97 |
| 98 | 50805647 | Nguyễn Hữu Nghĩa | 09/02/2002 | Nam | Yên Bái | Lào Cai | K17VXT03-98 |
| 99 | 50502966 | Vũ Thị Hoa | 20/03/1990 | Nữ | Hà Nam | Ninh Bình | K17VXT03-99 |
| 100 | 50303875 | Nguyễn Thị Hương | 28/02/1996 | Nữ | Hà Nam | Ninh Bình | K17VXT03-100 |
| 101 | 50508527 | Nguyễn Thị Tú Uyên | 18/02/1996 | Nữ | Nam Định | Ninh Bình | K17VXT03-101 |
| 102 | 50508542 | Đinh Thị Bích Diệp | 12/08/1994 | Nữ | Nam Định | Ninh Bình | K17VXT03-102 |
| 103 | 51033075 | Ngô Minh Quân | 09/12/2004 | Nam | Nam Định | Ninh Bình | K17VXT03-103 |
| 104 | 50310116 | Trần Thị Minh Luyến | 17/09/1993 | Nữ | Nam Định | Ninh Bình | K17VXT03-104 |
| 105 | 50310180 | Nguyễn Ngọc Anh | 05/11/1996 | Nữ | Nam Định | Ninh Bình | K17VXT03-105 |
| 106 | 50310212 | Phạm Thị Lan Anh | 14/04/1993 | Nữ | Nam Định | Ninh Bình | K17VXT03-106 |
| 107 | 50310256 | Mai Thị Hòa | 29/09/2005 | Nữ | Nam Định | Ninh Bình | K17VXT03-107 |
| 108 | 50310300 | Nguyễn Thị Thúy | 22/10/2000 | Nữ | Nam Định | Ninh Bình | K17VXT03-108 |
| 109 | 50310390 | Nguyễn Thế Hậu | 16/08/1996 | Nam | Nam Định | Ninh Bình | K17VXT03-109 |
| 110 | 50310393 | Đinh Thị Mai Linh | 20/09/2005 | Nữ | Nam Định | Ninh Bình | K17VXT03-110 |
| 111 | 50310642 | Đào Anh Ngọc | 20/01/1998 | Nam | Nam Định | Ninh Bình | K17VXT03-111 |
| 112 | 50341081 | Ngô Đình Tuyển | 23/09/2003 | Nam | Nam Định | Ninh Bình | K17VXT03-112 |
| 113 | 50810927 | Vũ Trung Kiên | 02/09/2005 | Nam | Nam Định | Ninh Bình | K17VXT03-113 |
| 114 | 50509492 | Vũ Thị Oanh | 09/02/1991 | Nữ | Ninh Bình | Ninh Bình | K17VXT03-114 |
| 115 | 50509599 | Nguyễn Thị Thu Hạnh | 27/10/2002 | Nữ | Ninh Bình | Ninh Bình | K17VXT03-115 |
| 116 | 51033502 | Phạm Thanh Tùng | 20/11/2000 | Nam | Ninh Bình | Ninh Bình | K17VXT03-116 |
| 117 | 51033518 | Nguyễn Văn Toàn | 16/12/2001 | Nam | Ninh Bình | Ninh Bình | K17VXT03-117 |
| 118 | 50312039 | Phạm Thị Thu Thảo | 14/06/2000 | Nữ | Ninh Bình | Ninh Bình | K17VXT03-118 |
| 119 | 50312053 | Trần Như Quỳnh | 11/08/2005 | Nữ | Ninh Bình | Ninh Bình | K17VXT03-119 |
| 120 | 50312093 | Nguyễn Thị Mỹ Huyền | 05/01/2005 | Nữ | Ninh Bình | Ninh Bình | K17VXT03-120 |
| 121 | 50312112 | Nguyễn Thị Dịu | 01/02/1997 | Nữ | Ninh Bình | Ninh Bình | K17VXT03-121 |
| 122 | 50312235 | Bùi Chu Lai | 01/10/2001 | Nam | Ninh Bình | Ninh Bình | K17VXT03-122 |
| 123 | 50312340 | Nguyễn Thị Duyên | 25/09/1998 | Nữ | Ninh Bình | Ninh Bình | K17VXT03-123 |
| 124 | 50312360 | Nguyễn Phạm Ngọc Dung | 01/11/2005 | Nữ | Ninh Bình | Ninh Bình | K17VXT03-124 |
| 125 | 50312383 | Lê Thị Phương | 12/10/2002 | Nữ | Ninh Bình | Ninh Bình | K17VXT03-125 |
| 126 | 50312411 | Phan Thị Quỳnh Loan | 22/02/2000 | Nữ | Ninh Bình | Ninh Bình | K17VXT03-126 |
| 127 | 50312415 | Ninh Thị Huyền Trang | 05/10/2003 | Nữ | Ninh Bình | Ninh Bình | K17VXT03-127 |
| 128 | 50312431 | Lê Thị Thanh Thủy | 28/03/2001 | Nữ | Ninh Bình | Ninh Bình | K17VXT03-128 |
| 129 | 50312451 | Trần Bảo Xuyến | 27/07/2005 | Nữ | Ninh Bình | Ninh Bình | K17VXT03-129 |
| 130 | 50312521 | Nguyễn Thị Trang | 19/10/1995 | Nữ | Ninh Bình | Ninh Bình | K17VXT03-130 |

| Stt | Số báo danh | Họ và tên | Ngày sinh | Giới tính | Đơn vị nộp hồ sơ | Tỉnh/Tp | Mã số HV |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 131 | 50312718 | Hà Thị Mai | 23/01/2002 | Nữ | Ninh Bình | Ninh Bình | K17VXT03-131 |
| 132 | 50312971 | Mai Thị Huệ | 15/05/1998 | Nữ | Ninh Bình | Ninh Bình | K17VXT03-132 |
| 133 | 50312987 | Đinh Thị Huyền Trang | 10/11/2002 | Nữ | Ninh Bình | Ninh Bình | K17VXT03-133 |
| 134 | 50340704 | Nguyễn Ngọc Anh | 04/07/2005 | Nữ | Ninh Bình | Ninh Bình | K17VXT03-134 |
| 135 | 50300706 | Mai Văn Thế | 15/12/1995 | Nam | Ninh Bình | Ninh Bình | K17VXT03-135 |
| 136 | 50300719 | Trương Thanh Tuệ | 24/01/2006 | Nam | Ninh Bình | Ninh Bình | K17VXT03-136 |
| 137 | 50300757 | Nguyễn Trung Kiên | 18/01/2005 | Nam | Ninh Bình | Ninh Bình | K17VXT03-137 |
| 138 | 50507839 | Nguyễn Hoài Thương | 17/10/2004 | Nữ | Hòa Bình | Phú Thọ | K17VXT03-138 |
| 139 | 50504772 | Nguyễn Thị Thơm | 02/11/1991 | Nữ | Phú Thọ | Phú Thọ | K17VXT03-139 |
| 140 | 50504831 | Mai Thu Hường | 07/10/2000 | Nữ | Phú Thọ | Phú Thọ | K17VXT03-140 |
| 141 | 50505031 | Trần Thị Thúy | 02/12/1990 | Nữ | Phú Thọ | Phú Thọ | K17VXT03-141 |
| 142 | 51031811 | Nguyễn Sỹ Trung | 10/10/2003 | Nam | Phú Thọ | Phú Thọ | K17VXT03-142 |
| 143 | 50305821 | Phạm Thu Hồng | 12/03/1993 | Nữ | Phú Thọ | Phú Thọ | K17VXT03-143 |
| 144 | 50305943 | Nguyễn Văn Quân | 28/06/2001 | Nam | Phú Thọ | Phú Thọ | K17VXT03-144 |
| 145 | 50305960 | Đỗ Hoài Nam | 16/03/2003 | Nam | Phú Thọ | Phú Thọ | K17VXT03-145 |
| 146 | 50306131 | Hán Minh Hiếu | 28/06/2001 | Nam | Phú Thọ | Phú Thọ | K17VXT03-146 |
| 147 | 50505313 | Văn Thị Hồng | 16/01/1989 | Nữ | Vĩnh Phúc | Phú Thọ | K17VXT03-147 |
| 148 | 50306735 | Nguyễn Thị Phương Thảo | 26/06/2000 | Nữ | Vĩnh Phúc | Phú Thọ | K17VXT03-148 |
| 149 | 50306828 | Lê Thị Chúc | 13/11/2005 | Nữ | Vĩnh Phúc | Phú Thọ | K17VXT03-149 |
| 150 | 50807426 | Trần Văn Xuân | 27/04/2002 | Nam | Vĩnh Phúc | Phú Thọ | K17VXT03-150 |
| 151 | 50807588 | Hà Văn Ngọ | 29/08/2002 | Nam | Vĩnh Phúc | Phú Thọ | K17VXT03-151 |
| 152 | 50308962 | Tạ Thị Huệ | 25/07/1995 | Nữ | Quảng Ninh | Quảng Ninh | K17VXT03-152 |
| 153 | 50308996 | Hồ Thị Thắng | 28/06/1989 | Nữ | Quảng Ninh | Quảng Ninh | K17VXT03-153 |
| 154 | 50309073 | Lê Thị Kim Oanh | 09/03/1996 | Nữ | Quảng Ninh | Quảng Ninh | K17VXT03-154 |
| 155 | 50309210 | Trần Mỹ Anh | 21/12/2005 | Nữ | Quảng Ninh | Quảng Ninh | K17VXT03-155 |
| 156 | 50300287 | Đinh Khắc Duy | 20/01/2005 | Nam | Quảng Ninh | Quảng Ninh | K17VXT03-156 |
| 157 | 50809818 | Vòong Kim Cảnh | 27/01/2001 | Nam | Quảng Ninh | Quảng Ninh | K17VXT03-157 |
| 158 | 50305006 | Phạm Thị Thu Thuỳ | 01/08/2005 | Nữ | Tuyên Quang | Tuyên Quang | K17VXT03-158 |
| 159 | 50805409 | Hoàng Ngọc Anh | 21/11/2005 | Nam | Tuyên Quang | Tuyên Quang | K17VXT03-159 |
| 160 | 50304301 | Trạc Lưu Khánh Huyền | 04/01/2005 | Nữ | Bắc Kạn | Thái Nguyên | K17VXT03-160 |
| 161 | 50305500 | Nguyễn Phương Thảo | 27/12/2005 | Nữ | Thái Nguyên | Thái Nguyên | K17VXT03-161 |
| 162 | 50305536 | Ngô Xuân Nhi | 11/10/2005 | Nữ | Thái Nguyên | Thái Nguyên | K17VXT03-162 |
| 163 | 50305551 | Nguyễn Thu Thuỷ | 05/04/2000 | Nữ | Thái Nguyên | Thái Nguyên | K17VXT03-163 |
| 164 | 50313050 | Nguyễn Thị Ly | 05/06/1999 | Nữ | Thái Nguyên | Thái Nguyên | K17VXT03-164 |
| 165 | 51034026 | Nguyễn Duy Linh | 16/04/1991 | Nam | Thanh Hóa | Thanh Hóa | K17VXT03-165 |
| 166 | 51034076 | Lưu Huy Chính | 15/06/1992 | Nam | Thanh Hóa | Thanh Hóa | K17VXT03-166 |
| 167 | 51034606 | Hoàng Văn Hùng | 27/12/1992 | Nam | Thanh Hóa | Thanh Hóa | K17VXT03-167 |
| 168 | 51034734 | Lê Đình Hải | 12/02/1991 | Nam | Thanh Hóa | Thanh Hóa | K17VXT03-168 |
| 169 | 51035103 | Vũ Văn Nam | 05/04/1993 | Nam | Thanh Hóa | Thanh Hóa | K17VXT03-169 |
| 170 | 50314085 | Lê Xuân Nhất | 03/05/1998 | Nam | Thanh Hóa | Thanh Hóa | K17VXT03-170 |
| 171 | 50314242 | Trịnh Văn Vũ | 21/08/2002 | Nam | Thanh Hóa | Thanh Hóa | K17VXT03-171 |
| 172 | 50314288 | Nguyễn Văn Tuấn Vũ | 08/05/2002 | Nam | Thanh Hóa | Thanh Hóa | K17VXT03-172 |
| 173 | 50314411 | Lê Văn Duy | 23/10/2003 | Nam | Thanh Hóa | Thanh Hóa | K17VXT03-173 |
| 174 | 50314424 | Trịnh Duy Trung | 07/05/1998 | Nam | Thanh Hóa | Thanh Hóa | K17VXT03-174 |

| Stt | Số báo danh | Họ và tên | Ngày sinh | Giới tính | Đơn vị nộp hồ sơ | Tỉnh/Tp | Mã số HV |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 175 | 50314463 | Lê Văn Đức | 31/10/2002 | Nam | Thanh Hóa | Thanh Hóa | K17VXT03-175 |
| 176 | 50314575 | Đô Văn Minh | 12/03/2005 | Nam | Thanh Hóa | Thanh Hóa | K17VXT03-176 |
| 177 | 50314934 | Hà Xuân Cường | 18/11/2000 | Nam | Thanh Hóa | Thanh Hóa | K17VXT03-177 |
| 178 | 50314942 | Dương Thị Ngọc | 03/09/2001 | Nữ | Thanh Hóa | Thanh Hóa | K17VXT03-178 |
| 179 | 50314997 | Đào Xuân Dương | 26/01/2005 | Nam | Thanh Hóa | Thanh Hóa | K17VXT03-179 |
| 180 | 50315345 | Đỗ Tiến Hải | 23/11/2000 | Nam | Thanh Hóa | Thanh Hóa | K17VXT03-180 |
| 181 | 50315370 | Trương Văn Nam | 16/10/2005 | Nam | Thanh Hóa | Thanh Hóa | K17VXT03-181 |
| 182 | 50315551 | Trần Anh Quân | 28/03/2003 | Nam | Thanh Hóa | Thanh Hóa | K17VXT03-182 |
| 183 | 50315658 | Lê Anh Hoàng | 27/07/2000 | Nam | Thanh Hóa | Thanh Hóa | K17VXT03-183 |
| 184 | 50315671 | Lê Trọng Văn | 27/06/2005 | Nam | Thanh Hóa | Thanh Hóa | K17VXT03-184 |
| 185 | 50315874 | Nguyễn Văn Tuấn | 28/07/1995 | Nam | Thanh Hóa | Thanh Hóa | K17VXT03-185 |
| 186 | 50315929 | Lê Đăng Dương | 05/06/2004 | Nam | Thanh Hóa | Thanh Hóa | K17VXT03-186 |
| 187 | 50315971 | Đỗ Công Minh | 11/12/2005 | Nam | Thanh Hóa | Thanh Hóa | K17VXT03-187 |
| 188 | 50316202 | Lê Công Hiếu | 02/01/2003 | Nam | Thanh Hóa | Thanh Hóa | K17VXT03-188 |
| 189 | 50316329 | Lê Hữu Sơn | 23/12/2000 | Nam | Thanh Hóa | Thanh Hóa | K17VXT03-189 |
| 190 | 50316408 | Nguyễn Văn Quân | 15/10/2005 | Nam | Thanh Hóa | Thanh Hóa | K17VXT03-190 |
| 191 | 50316447 | Hoàng Văn Thiện | 25/12/2002 | Nam | Thanh Hóa | Thanh Hóa | K17VXT03-191 |
| 192 | 50316544 | Lê Văn Dũng | 02/09/1994 | Nam | Thanh Hóa | Thanh Hóa | K17VXT03-192 |
| 193 | 50316619 | Hoàng Hữu Hùng Tráng | 13/03/2001 | Nam | Thanh Hóa | Thanh Hóa | K17VXT03-193 |
| 194 | 50316717 | Ngô Anh Phương | 23/11/2004 | Nam | Thanh Hóa | Thanh Hóa | K17VXT03-194 |
| 195 | 50317234 | Lê Đức Mạnh | 06/09/1995 | Nam | Thanh Hóa | Thanh Hóa | K17VXT03-195 |
| 196 | 50317466 | Phạm Thị Mai Linh | 25/05/2003 | Nữ | Thanh Hóa | Thanh Hóa | K17VXT03-196 |
| 197 | 50317577 | Lê Đức Mạnh | 19/08/2005 | Nam | Thanh Hóa | Thanh Hóa | K17VXT03-197 |
| 198 | 50317650 | Lê Hữu Hùng | 24/08/2005 | Nam | Thanh Hóa | Thanh Hóa | K17VXT03-198 |
| 199 | 50317656 | Phạm Quang Khải | 03/05/2003 | Nam | Thanh Hóa | Thanh Hóa | K17VXT03-199 |
| 200 | 50317888 | Trần Văn Hà | 26/11/2002 | Nam | Thanh Hóa | Thanh Hóa | K17VXT03-200 |
| 201 | 50317944 | Phùng Đức Hoàng | 12/08/2002 | Nam | Thanh Hóa | Thanh Hóa | K17VXT03-201 |
| 202 | 50318217 | Trần Bá Mạnh | 14/12/2001 | Nam | Thanh Hóa | Thanh Hóa | K17VXT03-202 |
| 203 | 50318269 | Lê Thị Tuyết Trinh | 21/04/2005 | Nữ | Thanh Hóa | Thanh Hóa | K17VXT03-203 |
| 204 | 50318280 | Lê Văn Khánh | 16/10/2003 | Nam | Thanh Hóa | Thanh Hóa | K17VXT03-204 |
| 205 | 50318411 | Nguyễn Văn Trung | 06/10/1993 | Nam | Thanh Hóa | Thanh Hóa | K17VXT03-205 |
| 206 | 50318503 | Nguyễn Lâm Phong | 16/09/2000 | Nam | Thanh Hóa | Thanh Hóa | K17VXT03-206 |
| 207 | 50318934 | Lê Văn Tấn | 09/04/1995 | Nam | Thanh Hóa | Thanh Hóa | K17VXT03-207 |
| 208 | 50318966 | Hoàng Xuân Đại | 01/04/1993 | Nam | Thanh Hóa | Thanh Hóa | K17VXT03-208 |
| 209 | 50319069 | Nguyễn Huy Hải | 29/01/2005 | Nam | Thanh Hóa | Thanh Hóa | K17VXT03-209 |
| 210 | 50319070 | Bùi Văn Binh | 14/06/1999 | Nam | Thanh Hóa | Thanh Hóa | K17VXT03-210 |
| 211 | 50319589 | Lê Văn Hải | 21/11/2000 | Nam | Thanh Hóa | Thanh Hóa | K17VXT03-211 |
| 212 | 50319627 | Lê Tuấn Linh | 09/08/2005 | Nam | Thanh Hóa | Thanh Hóa | K17VXT03-212 |
| 213 | 50319903 | Vũ Xuân Trường | 27/07/1993 | Nam | Thanh Hóa | Thanh Hóa | K17VXT03-213 |
| 214 | 50319981 | Vũ Ngọc Quý | 23/08/2005 | Nam | Thanh Hóa | Thanh Hóa | K17VXT03-214 |
| 215 | 50320035 | Trình Tuấn Nhi | 27/11/2002 | Nam | Thanh Hóa | Thanh Hóa | K17VXT03-215 |
| 216 | 50320138 | Lê Phú Bắc | 28/11/2002 | Nam | Thanh Hóa | Thanh Hóa | K17VXT03-216 |
| 217 | 50320243 | Lê Xuân Tùng | 16/11/2004 | Nam | Thanh Hóa | Thanh Hóa | K17VXT03-217 |
| 218 | 50320327 | Phạm Đình Dũng | 13/12/1995 | Nam | Thanh Hóa | Thanh Hóa | K17VXT03-218 |

| Stt | Số báo danh | Họ và tên | Ngày sinh | Giới tính | Đơn vị nộp hồ sơ | Tỉnh/Tp | Mã số HV |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 219 | 50320721 | Vũ Đình Hải | 22/12/2003 | Nam | Thanh Hóa | Thanh Hóa | K17VXT03-219 |
| 220 | 50320724 | Nguyễn Ngọc Huy | 06/02/2004 | Nam | Thanh Hóa | Thanh Hóa | K17VXT03-220 |
| 221 | 50320763 | Nguyễn Thị Thanh | 16/09/2005 | Nữ | Thanh Hóa | Thanh Hóa | K17VXT03-221 |
| 222 | 50320943 | Lý Thị Hồng | 13/01/2005 | Nữ | Thanh Hóa | Thanh Hóa | K17VXT03-222 |
| 223 | 50320946 | Lê Bá Sơn | 11/03/2002 | Nam | Thanh Hóa | Thanh Hóa | K17VXT03-223 |
| 224 | 50321120 | Trương Văn Hữu | 26/08/1992 | Nam | Thanh Hóa | Thanh Hóa | K17VXT03-224 |
| 225 | 50321364 | Trần Khắc Tài Em | 25/06/2004 | Nam | Thanh Hóa | Thanh Hóa | K17VXT03-225 |
| 226 | 50321568 | Nguyễn Thành Luân | 23/11/2001 | Nam | Thanh Hóa | Thanh Hóa | K17VXT03-226 |
| 227 | 50321836 | Nguyễn Thị Cẩm Ly | 22/11/2003 | Nữ | Thanh Hóa | Thanh Hóa | K17VXT03-227 |
| 228 | 50345003 | Nguyễn Văn Quang | 06/07/2002 | Nam | Thanh Hóa | Thanh Hóa | K17VXT03-228 |
| 229 | 50345106 | Hoàng Văn Long | 06/06/2001 | Nam | Thanh Hóa | Thanh Hóa | K17VXT03-229 |
| 230 | 50345215 | Lê Bá Huy Hoàng | 20/06/2003 | Nam | Thanh Hóa | Thanh Hóa | K17VXT03-230 |
| 231 | 50345255 | Nguyễn Thị Thủy Tiên | 09/11/2001 | Nữ | Thanh Hóa | Thanh Hóa | K17VXT03-231 |
| 232 | 50345286 | Dương Văn Long | 25/06/1994 | Nam | Thanh Hóa | Thanh Hóa | K17VXT03-232 |
| 233 | 50345411 | Hoàng Văn Phương | 30/06/1998 | Nam | Thanh Hóa | Thanh Hóa | K17VXT03-233 |
| 234 | 50371474 | Trương Thị Nguyện | 12/03/1990 | Nữ | Thanh Hóa | Thanh Hóa | K17VXT03-234 |
| 235 | 50202108 | Lương Thế Anh | 02/10/2004 | Nam | Thanh Hóa | Thanh Hóa | K17VXT03-235 |
| 236 | 50301091 | Bùi Văn Thái | 20/01/2006 | Nam | Thanh Hóa | Thanh Hóa | K17VXT03-236 |
| 237 | 50816182 | Lê Đình Hoằng | 08/02/1995 | Nam | Thanh Hóa | Thanh Hóa | K17VXT03-237 |